

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2018/HS-ST
Ngày 12/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Minh Tân và ông Hứa Ngọc Cương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Khánh Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2018/QĐXXST-HS ngày 30/10/2018, đối với bị cáo:

Phùng Thị H (tên gọi khác: G), sinh ngày 23/11/1958, tại tỉnh Vĩnh Phúc;

Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/10; quốc tịch: Việt nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Phùng Văn H và bà Phùng Thị N (đều đã chết); có chồng là Phùng Văn K (đã chết); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/11/2017 đến ngày 29/12/2017, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Người bào chữa, đồng thời là người đại diện hợp pháp của bị cáo: Anh Phùng Văn T, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960;

Nơi cư trú: Xóm B, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang Vắng mặt.

3. Chị Trần Thị K, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Thôn C, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Phùng Văn T, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Trần Quang H, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn C, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2. Anh Trần Văn Q, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn C, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 11/2017, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, bị cáo Phùng Thị H đã nhiều lần có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

- Lần 1: Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 14/11/2017, bị cáo H đạp xe từ nhà đi đến ngã ba Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, sau đó đón xe ô tô khách đi lên huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đến bến xe, bị cáo H xuống và đạp xe đến xã Trung Yên, huyện Sơn Dương, tại quán ăn của chị Ma Thị T, bị cáo H hỏi và được chị T cho biết chị Nguyễn Thị O là người xem bói, vừa đến ăn sáng tại quán. Bị cáo H đi theo về nhà chị O và tự giới thiệu tên là Phạm Thị D, chồng là Nguyễn Văn C, hai con là Nguyễn Thị M và Nguyễn Văn Q, nhà ở thôn Lê, xã Minh Thanh, huyện Sơn Dương. Bị cáo H nhờ chị O sang nhà làm lễ tạ và để lễ được thiêng, bị cáo H hỏi vay tiền làm lễ, hẹn đến chiều sang đón. Tin tưởng bị cáo H, chị O đã đưa cho bị cáo H 30.000.000 đồng. Số tiền này, sau đó bị cáo H đã chi tiêu cá nhân hết.

- Lần 2: Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 15/11/2017, bị cáo H đạp xe đi từ nhà đến ngã ba Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, sau đó đón xe ô tô khách đi lên huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Sau đó bị cáo H xuống xe ô tô và đạp xe đi đến xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi hỏi thăm, bị cáo H tìm đến nhà chị Nguyễn Thị T và tự giới thiệu tên là Lê Thị D, nhà ở thôn Đồng Quân, xã Đạo Viện và nói mới đào được vàng, nhờ chị T viết sớ, làm lễ tạ, bị cáo H nói hiện không có tiền và muốn vay tiền chị T làm lễ, chị T đồng ý, bị cáo H viết giấy ghi ngày 27/9/2017 vay 02 chỉ vàng hẹn khi nào có tiền sẽ hoàn trả và ký tên Lê Thị D. Sau khi lấy được nhẫn 02 chỉ vàng, bị cáo H đạp xe theo đường cũ về, khi qua một cây cầu (H không nhớ địa điểm), do lo sợ bị cáo H đã ném chiếc nhẫn xuống nước.

Kết luận giám định số 08/GĐ-KTHS ngày 15/12/2017 của phòng KTHS Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Chữ viết trên “Giấy vay tiền” ghi ngày 27/9/2017 (ký hiệu A) với chữ viết trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2, M3) là do cùng một người viết.

Kết luận số 78/KLĐG ngày 16/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Sơn, kết luận nhẫn đeo tay bằng vàng 9999 tổng trọng lượng 02 chỉ trị giá 6.960.000 đồng.

- Lần 3: Sáng ngày 22/11/2017, bị cáo H đạp xe ra Quốc lộ 2 và đón xe ô tô khách lên thành phố Tuyên Quang, rồi đạp xe đi đến nhà chị Trần Thị K, cư trú tại thôn C, xã L (trước đó bị cáo H đã đến nhà chị K). Bị cáo H tự giới thiệu tên là L, nhà ở thôn Viên Châu 1, xã An Tường, lần trước đến xem bói có lộc rất đúng, con được lên chức, gia đình đào được vàng, đến xin làm lễ tạ. Bị cáo H có

ý để chị K thấy trong túi xách của mình có tập tiền mệnh giá 500.000đ và nói mình có tiền nhưng muốn mượn tiền của chị K làm lễ tại điện nhà chị K thì mới thiêng, xong việc sẽ hậu tạ. Bị cáo H đặt 5.000đ lễ tại điện để chị K xin được lễ, chị K đã đưa 3.000.000 đồng cho bị cáo H, bị cáo H nói đi mua lễ và đạp xe về hướng trung tâm thành phố Tuyên Quang. Do nghi ngờ bị cáo H, anh Trần Quang H (chồng chị K) và Trần Văn Q (anh trai chị K) đuổi theo, giữ bị cáo H và đưa đến Công an thành phố Tuyên Quang.

Bản cáo trạng số 18/CT-VKSTP ngày 12 - 02- 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố bị cáo Phùng Thị H về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Do bị cáo Phùng Thị H có biểu hiện tâm thần, nên Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần. Tại kết luận giám định pháp y tâm thần số 66/2018/PYTT ngày 05/10/2018 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc, kết luận:

1. Phùng Thị H (G) bị bệnh tâm thần: Các rối loạn khí sắc (cảm xúc) thực tồn (Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 về các rối loạn tâm thần và hành vi – F06.3.).

2. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội vào các ngày 14/11/2017, 15/11/2017, 22/11/2017, Phùng Thị H bị bệnh tâm thần: Các rối loạn khí sắc (cảm xúc) thực tồn, hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

3. Hiện tại Phùng Thị H bị bệnh tâm thần: Các rối loạn khí sắc (cảm xúc) thực tồn, hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

Tại phiên tòa, kết thúc phần xét hỏi Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Phùng Thị H theo nội dung bản cáo trạng và đề nghị HĐXX: Tuyên bố bị cáo Phùng Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; áp dụng: Khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phùng Thị H từ 01 năm 09 tháng tù đến 02 tù, cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm. Giao bị cáo cho UBND xã nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo, xử lý vật chứng, buộc bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết mới; bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Về số tài sản thu giữ của bị cáo, bị cáo đề trả lại cho bị cáo.

Người bào chữa đồng thời là người đại diện hợp pháp cho bị cáo: Nhất trí luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ bị cáo thành khẩn khai báo, bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị cáo là người già bị bệnh

bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, các bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất, cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị hại Trần Thị K nhất trí luận tội của kiểm sát viên, đề nghị khoan hồng cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất và đề nghị trả lại số tiền 3.000.000đ Cơ quan Công an đã thu giữ.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo Phùng Thị H nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Phùng Thị H tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong tháng 11/2017, trên địa tỉnh Tuyên Quang, bị cáo Phùng Thị H nhiều lần có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể: Ngày 14/11/2017, tại thôn T, xã T, huyện S, bị cáo Phùng Thị H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 30.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị O; ngày 15/11/2017, tại xóm B, xã C, huyện Y, bị cáo Phùng Thị H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 01 nhẫn vàng ta, trọng lượng 02 chỉ, trị giá 6.960.000 đồng của chị Nguyễn Thị T; ngày 22/11/2017, tại thôn C, xã L, thành phố T, bị cáo Phùng Thị H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 3.000.000 đồng của chị Trần Thị K. Tổng cộng, bị cáo Phùng Thị H đã chiếm đoạt của các bị hại số tiền 39.960.000đ (Ba mươi chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại số tiền 39.960.000đ, hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt

tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 03 lần thực hiện hành vi phạm tội, mỗi lần giá trị tài sản chiếm đoạt đều có giá trị trên mức định lượng của khung hình phạt, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; tác động để gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi; các bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, có bốn tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị hại đều xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và cho bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật; bị cáo có đơn xin hưởng án treo, có chính quyền địa phương xác nhận trong thời gian tại ngoại tại địa phương bị cáo chấp hành tốt, không vi phạm gì, không đi khỏi địa phương đề nghị xem xét giúp đỡ. Đồng thời khi thực hiện vi phạm tội và hiện tại bị cáo bị bệnh tâm thần: Các rối loạn khí sắc (cảm xúc) thực tổn, hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi. Do đó không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà xử phạt mức án nghiêm minh, cho bị cáo được hưởng án treo, giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, như đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ, đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, tạo điều kiện cho gia đình bị cáo chăm sóc bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, đang ở cùng với gia đình con trai, không có tài sản riêng. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[7] Phần dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị O 30.000.000 đồng, của bị hại Nguyễn Thị T 6.960.000 đồng. Ngày 25 và 27/12/2017, anh Phùng Văn T con trai bị cáo H đã trả đủ số tiền cho chị O và chị T, chị O, chị T và anh T không có ý kiến yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nên HĐXX không xem xét giải quyết. Về số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại Trần Thị K 3.000.000 đồng, Cơ quan điều tra đã thu giữ. Tại phiên tòa chị K yêu cầu trả lại số tiền này, nên trả lại cho chị K.

[8] Về vật chứng: Cơ quan điều tra tạm giữ của bị cáo 01 xe đạp và 8.519.000đ của bị cáo (trong đó có 3.000.000đ của bị hại Trần Thị K); thu giữ 5.000đ của bị hại Trần Thị K. Xét thấy ngoài số tiền 3.000.000đ trả lại cho chị K, số tiền còn lại và chiếc xe đạp thu giữ của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ số tiền để đảm bảo việc thi hành

án. Đối với số 5.000đ thu giữ của bị hại Trần Thị K, đây là tiền bị cáo đặt tại điện thờ để làm lễ, nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[9] Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ vào:* Khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phùng Thị H (tên gọi khác: G) phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Xử phạt: Bị cáo Phùng Thị H (tên gọi khác: G) 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phùng Thị H (tên gọi khác: G) cho UBND xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

- *Về vật chứng:* Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 5.000đ (Năm nghìn đồng);

Trả lại cho bị hại Trần Thị K số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng);

Trả lại cho bị cáo Phùng Thị H (tên gọi khác: G) 01 (Một) chiếc xe đạp nhãn hiệu ABETUS, màu đỏ, xe cũ đã qua sử dụng và số tiền 5.519.000đ (Năm triệu năm trăm mười chín nghìn đồng), nhưng tạm giữ số tiền để đảm bảo việc thi hành án.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang ngày 23/2/2018.

Số tiền tịch thu, trả lại cho bị cáo và bị hại Trần Thị K Cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang đã chuyển vào tài khoản số 3949 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tại Phòng giao dịch – KBNN Tuyên Quang, theo giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước 27/11/2017.

- *Về án phí:* Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Bị cáo Phùng Thị H (tên gọi khác: G) phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- VKS ND tỉnh Tuyên Quang ;
- VKS ND thành phố Tuyên Quang ;
- Công an thành phố Tuyên Quang;
- Chi cục THADS thành phố;
- Sở Tư pháp Tuyên Quang;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Mạnh Tuấn